

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**



PHỤ LỤC 2

**CÁC BIỂU MẪU XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN
THỰC TẾ VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN,
CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ, THƯ VIỆN**

Phụ lục 2.1. Mẫu 1: Danh sách GV, nhà khoa học (giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, mời giảng)

Phụ lục 2.2. Mẫu 2: Danh sách GV, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần (chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, mời giảng)

Phụ lục 2.3. Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý Cấp Khoa

Phụ lục 2.4. Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên cơ hữu, nhà khoa học chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

Phụ lục 2.5. Mẫu 5: Các công trình khoa học của giảng viên, nhà khoa học chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

Phụ lục 2.6. Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

Phụ lục 2.7. Mẫu 7: Thư viện

Phụ lục 2.8. Mẫu 8: Trung tâm thực hành, thí nghiệm

ĐỒNG THÁP, 2023

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở: Khoa học máy tính

Mã ngành: 8480101

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Trương Công Tuấn 28/4/1960	049060008052 Việt Nam	PGS, 2012	TS, Việt Nam, 2004	Toán học, Khoa học máy tính		4/5/2022 Hợp đồng 12 tháng	HT 3 46 3398005578	38	03		
2	Lương Thái Ngọc 17/06/1984	087084020155 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2021	Khoa học máy tính	01/8/2005		4906002290	17	02	05	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	Đặng Quốc Bảo 21/01/1976	340813197 Việt Nam		TS, Pháp, 2018	Tin học và ứng dụng	01/9/1999		4902002952	24		03	
4	Nguyễn Tuấn Khanh 12/06/1982	361901855 Việt Nam		TS, Úc, 2013	Khoa học máy tính	01/6/2004		4904003002	18			
5	Nguyễn Huỳnh Thanh Hà 10/11/1983	341130460 Việt Nam		TS, Úc, 2017	Khoa học máy tính	01/8/2004		4906002252	18			
6	Nguyễn Văn Lót 07/03/1981	361901123 Việt Nam		TS, Úc, 2018	Công nghệ thông tin	01/6/2004		4904003005	18			
7	Võ Công Chương 19/12/1981	212086674 Việt Nam		TS, Úc, 2014	Khoa học máy tính	01/9/2003		4904000125	19			
8	Đoàn Thanh Nghị 4/6/1976	08907600042, Việt Nam		TS, Pháp, 2013	Khoa học máy tính		01/2025 Hợp đồng thỉnh giảng	5099031406	20	01	01	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
9	Võ Hoàng Liên Minh 06/4/1975	046075000807 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2022	Khoa học máy tính		09/2024 Hợp đồng thỉnh giảng	HC44633030 03033	5	0	16	
10	Nguyễn Thanh Khoa 01/01/1978	096078000150 Việt Nam		TS, Pháp, 2019	Tin học và ứng dụng		09/2025 Hợp đồng thỉnh giảng	HC49694010 06063	18	00	00	
11	Dương Văn Hiếu 15/02/1975	095075008943 Việt Nam		TS, Thái Lan, 2016	Công nghệ thông tin		09/2025 Hợp đồng thỉnh giảng	5402004220	23	0	0	
12	Lê Hữu Bình 09/01/1978	191805964 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2020	Khoa học máy tính và thông tin		09/2024 Hợp đồng thỉnh giảng	3302003641	15			
13	Nguyễn Đức Hiền 13/12/1973	201157564, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Khoa học máy tính		01/2025 Hợp đồng thỉnh giảng	0400005558	20	2	7	
14	Lê Thị Thu Nga 24/08/1976	215340105, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Khoa học máy tính		01/2026 Hợp đồng thỉnh giảng	0499006546	23	0	3	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
15	Văn Thế Thành 31/07/1979	056079011586 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2017	Khoa học máy tính		01/2026 Hợp đồng thỉnh giảng	HC47902020 47550	20	0	3	

PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

Trần Văn Phúc

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Mẫu 2: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, NHÀ KHOA HỌC THAM GIA GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN, MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO KHOA HỌC MÁY TÍNH, TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Lê Văn Tùng	Triết học	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chung trong CTĐT
	Lương Thanh Tân							
2	Lê Thanh Nguyệt Anh	Tiếng Anh	Học kỳ 1, năm thứ 1	6				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chung trong CTĐT
	Lê Hồng Phương Thảo							
3	Trương Công Tuấn	Cơ sở toán cho tin học	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
	Nguyễn Tấn Hoàng							Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
4	Võ Hoàng Liên Minh	Cơ sở dữ liệu nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Nguyễn Huỳnh Thanh Hà							Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT



Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
5	Trương Công Tuấn	Phân tích và thiết kế thuật toán nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Võ Công Chương							Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
	Đặng Quốc Bảo							Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
6	Lê Hữu Bình	Mạng thế hệ sau	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Lương Thái Ngọc							Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
7	Nguyễn Tấn Hoàng	Phân tích dữ liệu lớn	Học kỳ 1, năm thứ 1			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Võ Hoàng Liên Minh							Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
8	Nguyễn Thanh Khoa	Máy học và ứng dụng nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 2	3				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Lê Thị Thu Nga							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Đoàn Thanh Nghị							
9	Phạm Trung Đức	Cơ sở dữ liệu phân tán	Học kỳ 2, năm thứ 1			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Nguyễn Tấn Hoàng							Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Lương Thái Ngọc							Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
10	Trương Công Tuấn	Quản trị dữ liệu và dữ liệu mở	Học kỳ 2, năm thứ 1			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
	Nguyễn Tuấn Khanh							Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
	Nguyễn Thị Uyên Nhi							Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
11	Nguyễn Huỳnh Thanh Hà	Xử lý song song	Học kỳ 2, năm thứ 1			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
	Nguyễn Đức Hiên							Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Nguyễn Hà Huy Cường							Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
12	Lương Thái Ngọc	Mạng và kỹ thuật truyền dữ liệu	Học kỳ 2, năm thứ 1	3				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
	Lê Hữu Bình							Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
13	Văn Thế Thành	Hệ hỗ trợ quyết định	Học kỳ 2, năm thứ 1	3				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Nguyễn Văn Lót							Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
14	Trương Công Tuấn	Logic mờ và ứng dụng	Học kỳ 2, năm thứ 1	3				Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
	Đặng Quốc Bảo							
15	Nguyễn Tấn Hoàng	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 2, năm thứ 1			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Lương Thái Ngọc							Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
16	Nguyễn Thị Uyên Nhi	Khoa học dữ liệu	Học kỳ 2, năm thứ 1			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Nguyễn Tấn Hoàng							Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Võ Công Chương							Giảng viên cơ hữu xây dựng,

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
								thực hiện CTĐT
17	Đoàn Thanh Nghị	Thị giác máy tính	Học kỳ 2, năm thứ 1			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Đặng Quốc Bảo							Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
18	Lê Hữu Bình	Đánh giá hiệu năng mạng	Học kỳ 2, năm thứ 1			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Lương Thái Ngọc							Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
19	Trương Công Tuấn	Hệ cơ sở tri thức	Học kỳ 1, năm thứ 2			3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
	Đặng Quốc Bảo							Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
	Đoàn Thanh Nghị							Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
20	Lê Hữu Bình	Mạng truyền dẫn quang	Học kỳ 1, năm thứ 2			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
								trong CTĐT
	Lương Thái Ngọc							Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
21	Nguyễn Đăng Khoa	Hệ thống nhúng	Học kỳ 1, năm thứ 2			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Dương Văn Hiếu							
22	Nguyễn Quang Vũ	Quản trị và phát triển dự án phần mềm	Học kỳ 2, năm thứ 2			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Lê Thị Thu Nga							
23	Đặng Quang Hiền	An ninh mạng	Học kỳ 2, năm thứ 2			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Lương Thái Ngọc							Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
24	Văn Thế Thành	Web ngữ nghĩa và ontology	Học kỳ 2, năm thứ 2			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT
	Võ Công Chương							Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện CTĐT
25	Tất cả các giảng viên	Thực tập nghề nghiệp	Học kỳ 2,	4				Hỗ trợ hướng dẫn thực tập

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	tham gia đào tạo cho Chương trình cao học ngành Khoa học máy tính tại Khoa Sư phạm Toán – Tin, Trường Đại học Đồng Tháp		năm thứ 2					
26	Tất cả các giảng viên tham gia đào tạo cho Chương trình cao học ngành Khoa học máy tính tại Khoa Sư phạm Toán – Tin, Trường Đại học Đồng Tháp	Thực tế ngành	Học kỳ 1, năm thứ 2	2				Hỗ trợ hướng dẫn thực tế
27	Trương Công Tuấn	Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ	Học kỳ 2, năm thứ 2	9				Hướng dẫn luận văn
	Lương Thái Ngọc							
	Đặng Quốc Bảo							
	Nguyễn Tuấn Khanh							
	Nguyễn Huỳnh Thanh Hà							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Nguyễn Văn Lót							
	Võ Công Chương							
	Đoàn Thanh Nghị							
	Võ Hoàng Liên Minh							
	Dương Văn Hiếu							
	Văn Thế Thành							

TRƯỞNG KHOA SƯ PHẠM TOÁN - TIN

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Văn Dũng

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lương Thanh Tân

**Mẫu 3: DANH SÁCH CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP KHOA ĐỐI VỚI NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo	Năm tốt nghiệp	Ngành, Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Dũng	15/05/1981	Trưởng Khoa	Tiến sĩ	2011	Toán giải tích	
2	Lê Hoàng Mai	05/10/1971	Phó Trưởng Khoa	Tiến sĩ	2017	Đại số và lý thuyết số	
3	Lương Thái Ngọc	17/06/1984	Trưởng bộ môn	Tiến sĩ	2021	Khoa học máy tính	Bộ môn Công nghệ thông tin
4	Nguyễn Thị Mỹ Dung	02/07/1980	P.Trưởng bộ môn	Thạc sĩ	2014	Khoa học máy tính	Bộ môn Công nghệ thông tin
5	Lê Trung Hiếu	30/11/1985	Trưởng bộ môn	Tiến sĩ	2015	Lý thuyết tối ưu	Bộ môn Sư phạm Toán học
6	Trần Lê Nam	1983	P.Trưởng bộ môn	Tiến sĩ	2016	Hình học - Tô pô	Bộ môn Sư phạm Toán học

TRƯỞNG KHOA SƯ PHẠM TOÁN - TIN

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Văn Dũng



Lương Thanh Tân

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
1	3813/QĐ-BGDĐT 20/11/2020	Bộ GD&ĐT	Nghiên cứu đề xuất giải pháp định tuyến an ninh cho các phương tiện giao thông trên hệ thống giao thông thông minh.	Lương Thái Ngọc		2022	Đang thực hiện		
2	1534/QĐ-ĐHĐT 13/7/2021	Cấp cơ sở	Nghiên cứu giải pháp cải tiến giao thức AODV để nâng cao hiệu quả định tuyến trong mạng không dây thế hệ mới	Lương Thái Ngọc	3045/ QĐ-ĐHĐT 30/11/2022	2022	Đạt		
3	166/ QĐ-ĐHĐT 19/8/2020	Sở KH-CN Tỉnh Đồng Tháp	Xây dựng hệ thống thông tin Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp	Lương Thái Ngọc		2022	Đạt		
4	178/ QĐ-ĐHĐT	Cấp cơ sở	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ định tuyến	Lương Thái	31/ QĐ-ĐHĐT	2021	Đạt		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	15/7/2019		cho mạng IoT sử dụng công nghệ tác tử di động	Ngọc	24/3/2021				
5	332/QĐ-ĐHĐT 20/7/2015	Cấp cơ sở	Xây dựng website cơ sở dữ liệu khoa học của giảng viên tại Trường Đại học Đồng Tháp trên nền tảng web ngữ nghĩa.	Lương Thái Ngọc	215/QĐ-ĐHĐT 8/12/2016	2016	Tốt		
6	445/QĐ-BGDĐT 20/4/2018	Bộ GD&ĐT	Nghiên cứu cải tiến hiệu năng một số giao thức định tuyến theo yêu cầu và an toàn thông tin dựa trên tác tử di động của mạng MANET.	Lương Thái Ngọc (Thành viên)	445/QĐ-BGDĐT 20/4/2018	2018	Xuất sắc		
7	46/HĐ-KHCN-TT 30/12/2016	Bộ GD&ĐT	Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao hiệu năng giao thức định tuyến trên mạng tùy biến di động.	Lương Thái Ngọc (Thành viên)	3472/QĐ-BGDĐT 4/10/2019	2018	Xuất sắc		
8	115/QĐ-ĐHĐT	Cấp cơ sở	Nghiên cứu một số giải thuật khai phá dữ liệu và	Lương Thái	13/QĐ-ĐHĐT	2019	Đạt		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	10/7/2016		ứng dụng xây dựng website quản lý bài báo khoa học tại Trường Đại học Đồng Tháp.	Ngọc (Thành viên)	15/3/2019				
9	B1999-DHH01-45	Bộ	Xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin tư liệu thư viện trường Đại học Khoa học Huế	Trương Công Tuấn		2000	Tốt		
10	B2009-DHH-01-73	Bộ	Nghiên cứu các vấn đề về ngữ nghĩa của chương trình logic và mở rộng của nó	Trương Công Tuấn		2010	Tốt		
11	NN-NNCB102.02-2010.14	NN	Ứng dụng khái niệm Web Ngữ nghĩa trong quản lý tiến trình nghiệp vụ cộng tác	Trương Công Tuấn (Thành viên)		2012			

ỤC
TRƯỜNG
HỌC
THẠ

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
12	465/QĐ-ĐHĐT-QLKH	Cơ sở	Xây dựng một số giải thuật rừng ngẫu nhiên tiên phân để phân loại dữ liệu gien	Đặng Quốc Bảo	465/QĐ-ĐHĐT-QLKH 31/12/2010	2010	Tốt	Đặng Quốc Bảo	1
13	11/QĐ-ĐHĐT-QLKH	Cơ sở	Xây dựng hệ thống hỗ trợ quản lý nghiệp vụ các tổ bộ môn tại trường ĐH Đồng Tháp	Đặng Quốc Bảo	11/QĐ-ĐHĐT-QLKH 23/01/2013	2013	Đạt	Nguyễn Minh Kha	1

PHÒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ


Danh Trung

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống



Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Lương Thái Ngọc (2022), FAPDRP: a flooding attacks prevention and detection routing protocol in vehicular ad hoc network using behavior history and nonlinear median filter transformation	Tác giả liên hệ
2.	Lương Thái Ngọc (2022), AODVMO: A security routing protocol using One-time Password Authentication Mechanism based on Mobile Agent	Tác giả liên hệ
3.	Lương Thái Ngọc (2021), AOMDV-OAM: A Security Routing Protocol Using OAM on Mobile Ad Hoc Network	Tác giả liên hệ
4.	Lương Thái Ngọc (2019), FAPRP: A Machine Learning Approach to Flooding Attacks Prevention Routing Protocol in Mobile Ad Hoc Networks.	Tác giả liên hệ
5.	Lương Thái Ngọc (2019), MLAMAN: a novel multi-level authentication model and protocol for preventing wormhole attack in mobile ad hoc network.	Tác giả liên hệ
6.	Lương Thái Ngọc , Lê Đức Huy, Nguyễn Quốc Anh, Lê Quang Minh, Phạm Huệ Minh (2021), “ <i>An ninh trên mạng VANET</i> ”, NXB Đại học Huế, 240 trang.	Tác giả liên hệ
7.	Võ Thanh Tú, Lương Thái Ngọc , Lê Vũ, Lê Quang Minh, Nguyễn Thị Thùy Linh, Trần Kim Hương (2020), “ <i>Mô phỏng mạng MANET với NS2: Định tuyến và An ninh</i> ”, Nhà xuất bản Đại học Huế, 206 trang.	Đồng tác giả
8.	Nguyễn Quốc Anh, Lương Thái Ngọc , Trương Thị Hoàng Oanh, Võ Thanh Tú (2021), “ <i>Phân tích sự tấn công lỗ đen giao thức định tuyến AODV trên mạng VANET mô phỏng giao thông Thành phố Hồ Chí Minh</i> ”, Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ Thông tin (FAIR), Hội nghị có phản biện và chỉ số ISBN (Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam), Tập 14, 1-8.	Đồng tác giả
9.	Lê Đức Huy, Lương Thái Ngọc , Nguyễn Văn Tam, Bùi Thanh Tuyền (2020), “ <i>Đánh giá ảnh hưởng của tấn công ngập lụt đến hiệu năng giao thức định tuyến AODV, AOMDV và H(AODV) trên mạng MANET</i> ”, Hội nghị Một số vấn đề chọn lọc trong Công nghệ thông tin và Truyền thông (@), Số 23,, pp. 54-58.	Đồng tác giả

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
10.	L. T. Ngọc, V. T. Tu (2019), " <i>AODVDC: An Improved Protocol Prevents Whirlwind Attacks in Mobile Ad hoc Network</i> ", <i>International Journal of Network Security</i> , Vol. 21, Iss. 2, 333-341.	Tác giả liên hệ
11.	Lê Đức Huy, Lương Thái Ngọc, Võ Thanh Tú (2019), " <i>Giao thức định tuyến an ninh sử dụng cơ chế xác thực mật khẩu sử dụng một lần</i> ," <i>Hội nghị khoa học quốc gia "Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ Thông tin (FAIR)</i> , Số 12, pp. 176-183.	Đồng tác giả
12.	Lương Thái Ngọc, Lê Vũ, Võ Thanh Tú (2018), " <i>Phân tích hiệu quả an ninh của hai giao thức SAODV và ARAN trên mạng MANET</i> ," <i>Hội nghị khoa học quốc gia Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ Thông tin (FAIR)</i> , Số 11, pp. 413-421.	Tác giả liên hệ
13.	Lương Thái Ngọc, Võ Thanh Tú (2018), " <i>Giải pháp phát hiện tấn công ngập lụt trên mạng MANET sử dụng thuật toán phân lớp</i> ," <i>Hội nghị khoa học quốc gia Một số vấn đề chọn lọc trong Công nghệ Thông tin và Truyền thông (@)</i> , Số 21, pp. 117-124.	Tác giả liên hệ
14.	Lương Thái Ngọc, Võ Thanh Tú (2017), " <i>Một giải pháp an ninh cho mạng MANET sử dụng chữ ký số</i> ," <i>Hội nghị khoa học quốc gia Một số vấn đề chọn lọc trong Công nghệ Thông tin và Truyền thông (@)</i> , Số 20, pp. 143-148.	Tác giả liên hệ
15.	Lương Thái Ngọc, Võ Thanh Tú (2016), " <i>Giải pháp phát hiện tấn công ngập lụt trên mạng MANET</i> ," <i>Hội nghị khoa học quốc gia Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ Thông tin (FAIR)</i> , Số 9, pp. 165-172.	Tác giả liên hệ
16.	Lương Thái Ngọc, Võ Thanh Tú (2014), " <i>Đề xuất giao thức AODVSC2 nhằm chống tấn công lỗ đen trên mạng MANET</i> ," <i>Hội nghị khoa học quốc gia Một số vấn đề chọn lọc trong Công nghệ Thông tin và Truyền thông (@)</i> , Số 17, pp. 56-61.	Tác giả liên hệ
17.	Nguyễn Quốc Anh, Lương Thái Ngọc, Võ Thanh Tú , "Đánh giá hiệu năng của giao thức AODV, AOMDV và DSR trên một khu vực giao thông thành phố Hồ Chí Minh", <i>Tạp chí Khoa học ĐH Đà Nẵng</i> , Tập 19, Số 11, 2021, 13-17.	Đồng tác giả

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
18.	Lương Thái Ngọc , Nguyễn Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Ngọc Chi, Trương Thị Hoàng Oanh, Đề xuất giải pháp cải tiến mô hình thực thể quan hệ (ER) để biểu diễn cơ sở dữ liệu quan hệ phân tán, <i>Tạp chí Khoa học ĐHSP TP.HCM</i> , Số 6 (15), 2018, pp. 191-200.	Tác giả liên hệ
19.	Lương Thái Ngọc , Lê Vũ, “Một phương pháp xác định chi phí mới nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ định tuyến,” <i>Tạp chí Khoa học ĐH Đà Nẵng</i> , Số 3 (124), 2018, pp. 98-103.	Tác giả liên hệ
20.	Lương Thái Ngọc , Võ Thanh Tú, “Giải pháp cải tiến giao thức AODV nhằm giảm thiểu tác hại của tấn công ngập lụt trên mạng MANET,” <i>Tạp chí khoa học Đại học Khoa học Huế</i> , Số 1 (11), 2018, pp. 13-26.	Tác giả liên hệ
21.	Luong Thai Ngoc , Vo Thanh Tu, “VRA-AODV: Routing protocol detects Black hole and Gray hole attacks in Mobile Ad hoc Network,” <i>Journal of Computers</i> , Vol. 13 (2), 2018, pp. 222-235.	Tác giả liên hệ
22.	L. T. Ngoc , V. T. Tu, "A Digital Certification Management Mechanisms in Mobile Ad hoc Network", <i>Journal of Computer Science and Cybernetics</i> , Vol. 34, Iss. 3, 2018, 199–217.	Tác giả liên hệ
23.	Luong Thai Ngoc , Vo Thanh Tu, “A novel algorithm based on Trust Authentication Mechanisms to detect and prevent malicious nodes in Mobile Ad hoc Network,” <i>Journal of Computer Science and Cybernetics</i> , vol. 33 (4), 2017, pp. 357-378.	Tác giả liên hệ
24.	Nguyễn Mậu Hân, Võ Hoàng Liên Minh, Lê Văn Hòa, Lương Thái Ngọc , “Tổng quan một số mô hình phát triển phần mềm,” <i>Tạp chí khoa học Đại học Khoa học Huế</i> , Số 1 (9), 2017, pp. 25-38.	Đồng tác giả
25.	Luong Thai Ngoc , Vo Thanh Tu, A solution to detect and prevent wormhole attacks in Mobile Ad hoc Network, <i>Journal of Computer Science and Cybernetics</i> (ISSN:2249-8958), Vol 33 (1), 2017, pp. 34-49.	Tác giả liên hệ
26.	Luong Thai Ngoc , Vo Thanh Tu, “SMA ₂ AODV: Routing protocol reduces the harm of Flooding attacks in Mobile Ad hoc Network,” <i>Journal of Communications</i> , Vol 12 (7), 2017, 371-378.	Tác giả liên hệ
27.	Luong Thai Ngoc , Vo Thanh Tu, “Whirlwind: A New Method to Attack Routing Protocol in Mobile Ad Hoc Network,” <i>International Journal of Network Security</i> , Vol 19 (5), 2017, pp. 832-838.	Tác giả liên hệ

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
28.	Lương Thái Ngọc , Võ Thanh Tú, “Giải pháp nâng cao hiệu quả khám phá tuyến của giao thức AODV trên mạng Tùy biến di động, <i>Tạp chí Khoa học ĐH Huế</i> , Số 8 (122), 2016, pp. 71-80.	Tác giả liên hệ
29.	Lương Thái Ngọc , Võ Thanh Tú, “Một số hình thức tấn công trên mạng MANET,” <i>Tạp chí Khoa học ĐH Đà Nẵng</i> , Số 9 (106), 2016, pp. 91-96.	Tác giả liên hệ
30.	Nguyễn Minh Kha , Nguyễn Thị Thùy Linh, Nguyễn Hữu Duyệt, Lương Thái Ngọc , “Giải pháp tích hợp đăng nhập nhiều hệ thống dựa trên nền tảng web service,” <i>Tạp chí Khoa học ĐHSP TP.HCM</i> , Số 6 (84), 2016, pp. 169-175.	Đồng tác giả
31.	Lương Thái Ngọc , “Một hướng tiếp cận để bổ sung dữ liệu thời gian vào hệ thống thông tin đang vận hành,” <i>Tạp chí Khoa học ĐHSP TP.HCM</i> , Số 5 (70), 2015, pp. 119-127	Tác giả liên hệ
32.	Nguyễn Hữu Duyệt, Lương Thái Ngọc , “Đề xuất giải pháp biểu diễn cơ sở dữ liệu thời gian bằng mô hình thực thể quan hệ (ER) truyền thống,” <i>Tạp chí Khoa học ĐHSP TP.HCM</i> , Số 2 (67), 2015, pp. 109-120	Đồng tác giả
33.	Lương Thái Ngọc , Nguyễn Hữu Duyệt, “Một giải pháp chuyển đổi từ cơ sở dữ liệu quan hệ sang mô hình dữ liệu cho Web ngữ nghĩa,” <i>Tạp chí Khoa học ĐHSP TP.HCM</i> , Số 9 (75), 2015, pp. 172-180.	Tác giả liên hệ
34.	Võ Thanh Tú, Lương Thái Ngọc , “Một giải pháp cải tiến giao thức định tuyến AODV nhằm chống lại sự tấn công của nút lỗ đen trên mạng MANET,” <i>Tạp chí Khoa học ĐH Đà Nẵng</i> , Số 7 (80), 2014, pp. 133-137.	Đồng tác giả
35.	Nguyễn Công Hào, Lương Thái Ngọc , “Truy vấn thông tin mờ trong mô hình dữ liệu XML theo hướng tiếp cận đại số gia tử,” <i>Tạp chí Khoa học ĐH Huế</i> , Số 4 (92), 2014, pp. 65-77	Đồng tác giả
36.	Đặng Quốc Bảo (2015), “Camera-based Document Images Retrieval System using Local Features - comparing SRIF with LLAH, SIFT, SURF and ORB”, Conference Proceedings 13th IAPR International Conference on Document Analysis & Recognition, Prouvé Congress Center, Nancy, France.	Tác giả liên hệ
37.	Đặng Quốc Bảo (2015), “Logo Spotting on Document Images using Local Features”, Proceedings of The Fifth symposium on information and communication technology, Hue, Vietnam.	Tác giả liên hệ

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
38.	Đặng Quốc Bảo , Mickaël Coustaty Muhammad, Muzzamil Luqman, Cao De Tran, Jean-Marc Ogier (2016), “ <i>Polygon-shape-based Scale and Rotation Invariant Features for Camera-Based Document Image Retrieval</i> ”, ICPR2016 (23rd International Conference on Pattern Recognition), IAPR - International Association of Pattern Recognition.	Tác giả liên hệ
39.	Trương Công Tuấn (2017), “ <i>Định giá truy vấn đối với chương trình Datalog mô tả</i> ”. Kỳ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ X về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công Nghệ thông tin (FAIR).	Tác giả liên hệ
40.	Trần Minh Bảo, Trương Công Tuấn . <i>Querying Object-Oriented Databases Based on Signature File Hierarchy and Signature Graph</i> , Institute for Computer Sciences, Social Informatics and Telecommunications Engineering ICCASA 2015, LNICST 165, Springer, ISBN:978-3-319-29235-9, DOI: 10.1007/978-3-319-29236-6_29	Tác giả liên hệ
41.	Trần Minh Bảo, Trương Công Tuấn . <i>Query Optimization in Object Oriented Databases Based on Signature File Hierarchy and SD-Tree</i> , Institute for Computer Sciences, Social Informatics and Telecommunications Engineering 2016, ICCASA 2015, LNICST 165, Springer, ISBN:978-3-319-29235-9, DOI: 10.1007/978-3-319-29236-6_30 2016,	Tác giả liên hệ
42.	Trần Minh Bảo, Trương Công Tuấn , Huỳnh Trọng Đức. <i>Querying Object-Oriented Databases Based on Signature Graph and n-ary Tree</i> , EAI Endorsed Transactions on Context-aware Systems and Applications, Volume 2, Issue 7, ISSN 2409-0026, DOI: 10.4108/eai.12-2-2016.151087	Tác giả liên hệ
43.	Trần Minh Bảo, Trương Công Tuấn . <i>Query Optimization in Object Oriented Databases Based on SD-Tree and n-ary Tree</i> , EAI Endorsed Transactions on Context-aware Systems and Applications, Volume 3, Issue 8, e2, ISSN 2409-0026, DOI: 10.4108/eai.9-3-2016.151114	Tác giả liên hệ
44.	Quoc Bao Dang , Mickaël Coustaty, Muhammad Muzzamil Luqman, Jean-Marc Ogier: A comparison of local features for camera-based document image retrieval and spotting. Int. J. Document Anal. Recognit. 22(3): 247-263 (2019)	Tác giả liên hệ

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
45.	Quoc Bao Dang , Louisa Kessi, Mickaël Coustaty, Muhammad Muzzamil Luqman, Jean-Marc Ogier: A Blind Document Image Watermarking Approach Based on Discrete Wavelet Transform and QR Code Embedding. IWCDF@ICDAR 2019: 1-6	Tác giả liên hệ
46.	Quoc Bao Dang : Information spotting in huge repositories of scanned document images. (Localisation d'information dans des très grands corpus de documents numérisés). University of La Rochelle, France, 2018	Tác giả liên hệ
47.	Quoc Bao Dang , Mickaël Coustaty, Muhammad Muzzamil Luqman, Jean-Marc Ogier, Cao De Tran: New spatial-organization-based scale and rotation invariant features for heterogeneous-content camera-based document image retrieval. Pattern Recognit. Lett. 112: 153-160 (2018)	Tác giả liên hệ
48.	Quoc Bao Dang , Mickaël Coustaty, Muhammad Muzzamil Luqman, Jean-Marc Ogier, Cao De Tran: SSKSRIF: Scale and Rotation Invariant Features Based on Spatial Space of Keypoints for Camera-Based Information Spotting. CBMI 2018: 1-6	Tác giả liên hệ
49.	Quoc Bao Dang , Mickaël Coustaty, Muhammad Muzzamil Luqman, Jean-Marc Ogier, Cao De Tran: A randomized hierarchical trees indexing approach for camera-based information spotting. ICPR 2018: 3692-3697	Tác giả liên hệ
50.	Quoc Bao Dang , Marçal Rusiñol, Mickaël Coustaty, Muhammad Muzzamil Luqman, Cao De Tran, Jean-Marc Ogier: Delaunay Triangulation-Based Features for Camera-Based Document Image Retrieval System. DAS 2016: 1-6	Tác giả liên hệ
51.	Quoc Bao Dang , Mickaël Coustaty, Muhammad Muzzamil Luqman, Jean-Marc Ogier, Cao De Tran: Polygon-shape-based Scale and Rotation Invariant Features for camera-based document image retrieval. ICPR 2016: 2434-2439	Tác giả liên hệ
52.	Quoc Bao Dang , Mickaël Coustaty, Muhammad Muzzamil Luqman, Silvia Gally, Paule-Annick Davoine, Jean-Marc Ogier, Jean-Christophe Burie: Camera-based document image spotting system for complex linguistic maps. SMC 2016: 3246-3251	Tác giả liên hệ

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
53.	Quoc Bao Dang , Viet Phuong Le, Muhammad Muzzamil Luqman, Mickaël Coustaty, De Cao Tran, Jean-Marc Ogier: A System for Camera-Based Retrieval of Heterogeneous-Content Complex Linguistic Map. GREC 2015: 86-99	Tác giả liên hệ
54.	Quoc Bao Dang , Muhammad Muzzamil Luqman, Mickaël Coustaty, Cao De Tran, Jean-Marc Ogier: SRIF: Scale and Rotation Invariant Features for camera-based document image retrieval. ICDAR 2015: 601-605	Tác giả liên hệ
55.	Quoc Bao Dang , Viet Phuong Le, Muhammad Muzzamil Luqman, Mickaël Coustaty, Cao De Tran, Jean-Marc Ogier: Camera-based document image retrieval system using local features - comparing SRIF with LLAH, SIFT, SURF and ORB. ICDAR 2015: 1211-1215	Tác giả liên hệ

PHÒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ


Danh Thung

HIỆU TRƯỞNG 



Huỳnh Văn Thống



3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	228	24,055.50	Dùng chung		
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02	1,377.35	Dùng chung		
1.1.1	Hội trường	01	930.35	Dùng chung		
1.1.2	Phòng học lớn trên 200 chỗ	01	447	Dùng chung		
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	2052.37	Dùng chung		
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	28	3724.38	Dùng chung		
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	59	6176.32	Các học phần chuyên ngành đào tạo		
1.5	Số phòng học đa phương tiện	05	1092	Dùng chung		
1.6	Các phòng chức năng khác (phòng làm việc, bộ môn, phòng họp)	124	9633.08	Dùng chung		
2	Thư viện, trung tâm học liệu	01	2,087.88	Dùng chung		



STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	70	27285.88	Thí nghiệm/thực hành chuyên ngành		
Trong đó						
3.1	Phòng thí nghiệm	19	3,241.52	Thực hành chuyên ngành		
3.2	Phòng thực hành	24	3707.97	Thực hành chuyên ngành		
3.3	Xưởng thực tập	8	792.44	Dùng chung		
3.4	Nhà đa năng	1	2472.65	Dùng chung		
3.5	Nơi luyện tập thể dục thể thao, vui chơi giải trí (sân bóng chuyền, sân bóng đá, sân tennis, hồ bơi, đường chạy...)	18	17071.3	Dùng chung		

PHÒNG THIẾT BỊ VÀ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Nguyễn Văn Bình

KT. HẬU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lương Thanh Tân

Mẫu 7: THU VIỆN

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Giáo trình Triết học (Dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ).	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018	05	Triết học	GPN.801	HK1	Tài liệu chính
2.	Vai trò của phương pháp luận triết học Mác – Lênin đối với sự phát triển của khoa học tự nhiên,	Nguyễn Trọng Chuẩn, Tô Duy Hợp, Lê Hữu Tăng, Nguyễn Duy Thông	NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977	03				Tài liệu tham khảo
3.	Lịch sử triết học phương Đông	Doãn Chính	NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015	03				Tài liệu tham khảo



STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
4.	Khoa học cơ bản thế kỷ XX với một số vấn đề lớn của triết học.	Lê Văn Giảng	NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014	03				Tài liệu tham khảo
5.	Đại cương lịch sử triết học phương Tây	Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Thanh, Nguyễn Anh Tuấn	NXB. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2006	03				Tài liệu tham khảo
6.	Cách mạng công nghiệp lần thứ tư,	Claus Schwab	NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018	03				Tài liệu tham khảo
7.	Beyond: A2 Student's Book.	Campbell, R., Metcalf, R. & Benne, R.	MacMillan, 2015	05	Tiếng Anh	GEP.801	HK1	Tài liệu chính
8.	Compact Preliminary for Schools - Students' book.	Elliott, S. & Thomas, A.	Cambridge English, 2013	03				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
9.	Solutions	Falla, T. & Davies, A. P.	Oxford University Press, 2010	03				Tài liệu tham khảo
10.	Beyond: A2 Workbook	Harvey, A. & Rogers, L.	MacMillan, 2015	03				Tài liệu tham khảo
11.	Ket practice tests: Four tests for the Cambridge	Annette Capel & Sue Ireland	Oxford University Press, 2000	03				Tài liệu tham khảo
12.	Succeed in IELTS Speaking & Vocabulary	Betsis, A., Delafuente, S. & Haughton, S.	Global ELT LTD, 2012	03				Tài liệu tham khảo
13.	The Key English Test (KET) 1-6	Cambridge ESOL	Cambridge University Press, 2015	03				Tài liệu tham khảo
14.	Speak out	Eales, F. & Oakes, S.	2nd Edition, Pearson, 2020	03				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
15.	Compact keys for school: Student's book	Heyderman, E. & Treloar, F.	Cambridge University Press, 2016	03				Tài liệu tham khảo
16.	Tactics for Listening: Student's book	Jack C. Richards	Oxford University Press, 2003	03				Tài liệu tham khảo
17.	Let's Talk 1	Jones, L.	2nd Edition, Cambridge, 2001	03				Tài liệu tham khảo
18.	Let's Talk 2	Jones, L.	2nd Edition, Cambridge, 2002	03				Tài liệu tham khảo
19.	Headway Beginner: Student's book	Liz & John Soars. Jo McCaul	Oxford University Press, 1999	03				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
20.	Giáo trình Cơ sở toán cho tin học	Lê Mạnh Thanh, Trương Công Tuấn, Trần Việt Khoa	NXB Đại học Huế, 2019	05	Cơ sở toán cho tin học	CSM.801	HK1	Tài liệu chính
21.	Cơ sở toán trong lập trình	Đỗ Đức Giáo	NXB Khoa học kỹ thuật, 1998.	03				Tài liệu tham khảo
22.	Giáo trình Cơ sở toán học	Nguyễn Gia Định	NXB Giáo dục, 2005.	03				Tài liệu tham khảo
23.	Lý thuyết độ phức tạp thuật toán	Phan Đình Diệu	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1999.	03				Tài liệu tham khảo
24.	Giáo trình Cơ sở dữ liệu	Hoàng Quang	Đại học Khoa học Huế, 2006.	05	Cơ sở dữ liệu nâng cao	CSM.802	HK1	Tài liệu chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
25.	Cơ sở dữ liệu thời gian	Hoàng Quang	Đại học Khoa học Huế, 2016	05				Tài liệu chính
26.	Fundamentals of Database Systems, 7th Edition	Elmasri, R., S. B. Navathe	Addison Wesley, 2006.	03				Tài liệu tham khảo
27.	Nguyên lý các hệ cơ sở dữ liệu và hệ tri thức - tập 1, 2, 3, Trần Đức Quang biên dịch	Ullman, J.D	Nhà xuất bản Thống kê, 2000	03				Tài liệu tham khảo
28.	Các hệ cơ sở dữ liệu – Lí thuyết và thực hành - tập 1, 2	Hồ Thuần, Hồ Cẩm Hà	NXB Giáo dục, 2004	03				Tài liệu tham khảo
29.	Nguyên lý các hệ cơ sở dữ liệu	Nguyễn Kim Anh	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004	03				Tài liệu tham khảo
30.	Cơ sở dữ liệu - Lý thuyết và thực hành	Nguyễn Bá Tường	NXB Khoa học kỹ thuật, 2001	03				Tài liệu tham khảo
31.	Nhập môn cơ sở dữ liệu quan hệ	Lê Tiến Vương	NXB KHKT,	03				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
			1996.					
32.	Database Systems – The Complete Book	Garcai-Molina, H., J. D. Lillman	Pearson Education International, 2002	03				Tài liệu tham khảo
33.	A First Course in Database Systems	Ullman, J. D. , J. Widom	Prentice Hall, 1997	03				Tài liệu tham khảo
34.	An Introduction to Database Systems	Date, C. J.	Wesley, 1994	03				Tài liệu tham khảo
35.	Advanced Database Technology and Design	Anstey, D., E. Bertino, E. Marcros	Artech House, 2000.	03				Tài liệu tham khảo
36.	Special Issue on Next-Generation Database Systems, Vol. 34, No. 10	Communication of the ACM	1991	03				Tài liệu tham khảo
37.	Introduction to Algorithms (3rd Edition)	Thomas H. Cormen, Charles E. Leiserson, and	The MIT Press, 2009	05	Phân tích và thiết kế thuật toán nâng cao	CSM.803	HK1	Tài liệu chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Ronald L. Rivest,						
38.	Computer Algorithms: Introduction to Design and Analysis (3rd Edition)	Sara Baase and Allen Van Gelder	Addison-Wesley, 2000	03				Tài liệu chính
39.	Algorithms (4th Edition), Addison-Wesley	Robert Sedgewick and Kevin Wayne	Princeton University, 2011	03				Tài liệu tham khảo
40.	Nền tảng cung cấp dịch vụ cho các mạng thế hệ mới	Nguyễn Tài Hưng, Nguyễn Hữu Thanh	NXB Bách Khoa Hà Nội, 2014	05				Tài liệu chính
41.	Mạng thông tin quang thế hệ sau	Hoàng Văn Võ	NXB Bru điện, 2008	03	Mạng thế hệ sau	CSM.804	HK1	Tài liệu tham khảo
42.	Next Generation Networks: Perspectives and Potentials	Jingming Li Salina and Pascal Salina	Wiley, 2008	03				Tài liệu tham khảo
43.	Data Analytics: A Hands-On Approach	Arshdeep Bahga &	2016	05	Phân tích dữ liệu lớn	CSM.805	HK1	Tài liệu

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Vijay Madiseti						chính
44.	Data Analytics - Concepts, Techniques, and Applications.	Mohiuddin Ahmed, Al-Sakib Khan Pathan	CRC Press, 2013	03				Tài liệu tham khảo
45.	Big Data – Primer	Hrushikesh Mohanty, Prachet Bhuyan, Deepak Chenthati	Springer, 2015	03				Tài liệu tham khảo
46.	o trình nguyên lý máy học	Đỗ Thanh Nghị, Phạm Nguyên Khang	NXB Đại học Cần Thơ, 2012	05	Máy học và ứng dụng nâng cao	CSM.813	HK3	Tài liệu chính
47.	o trình các hệ tri thức và khai thác dữ liệu	Đỗ Thanh Nghị, Lê Thanh Vân	NXB Đại học Cần Thơ, 2012	03				Tài liệu tham khảo
48.	Machine learning	Tom M. Mitchell	Tom M.	03				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
			Mitchell, 1997					
49.	Machine Learning and Its Applications	Georgios Paliouras, Vangelis Karkaletsis, Constantine D. Spyropoulos	Springer, 1998	03				Tài liệu tham khảo
50.	Applied Deep Learning	Umberto Michelucci	Apress, 2018	03				
51.	Giáo trình Cơ sở dữ liệu phân tán	Nguyễn Mậu Hân	NXB Đại học Huế, 2012	05	Cơ sở dữ liệu phân tán	CSM.806	HK2	Tài liệu chính
52.	Principles of Distributed Database Systems, Fourth Edition	M. T. Ozsü, P. Valduriez	Springer, 2020	03				Tài liệu tham khảo
53.	Principles of Data Management. BCS	Keith Gordon	The Chartered Institute Released:	05	Quản trị dữ liệu và dữ liệu mở	CSM.807	HK2	Tài liệu chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
			for IT, 2013.					
54.	"Đánh giá Mức độ sẵn sàng về Chính phủ số và Dữ liệu Mở tại Việt Nam"		Báo cáo chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2/2019	05				Tài liệu chính
55.	Parallel Programming Morgan Kaufmann.	Bertil Schmidt, Jorge Gonzalez-Dominguez	Morgan Kaufmann, 2018	05	Xử lý song song	CSM.808	HK2	Tài liệu chính
56.	Introduction to Parallel Computing – From Algorithms to Programming on State of the Art Platforms	Roman Trobec, Bostjan Slivnik	Springer, 2018	05				Tài liệu chính
57.	Mạng máy tính nâng cao	Phạm Thanh Giang	NXB Khoa học tự nhiên và	05	Mạng và kỹ thuật truyền dữ	CSM.810	HK2	Tài liệu chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
			Công nghệ		liệu			
58.	Giáo trình Mạng và truyền dữ Liệu	Nguyễn Ngọc Cương, Phạm Ngọc Làng	NXB Thông tin và Truyền thông	05				Tài liệu chính
59.	Giáo trình mạng máy tính	Phạm Thế Quế	NXB Thông tin và Truyền thông	03				Tài liệu tham khảo
60.	Decision Support Systems and Intelligent Systems, 9th edition	Efraim Turban, Ramesh Sharda, Dursun Delen	Prentice Hall, 2010	05				Tài liệu chính
61.	Decision Support System in the 21st Century, International Edition, New Jersey	Maracas, G. M.	Prentice Hall, 2003	03	Hệ hỗ trợ quyết định	CSM.811	HK2	Tài liệu tham khảo
62.	Decision Support Systems: concepts and resources for managers	Daniel J. Power	Greenwood Publishing Group,	03				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
			2002					
63.	Decision Support for Management 2nd edition	Ralph H. Sprague, Hugh J. Watson	Prentice Hall, 1996	03				Tài liệu tham khảo
64.	Giáo trình Logic mờ và ứng dụng.	Nguyễn Công Hào	NXB Đại học Huế, 2016	03				Tài liệu tham khảo
65.	Logic mờ và ứng dụng	B.B Meunier, Hồ Thuần, Đặng Thanh Hà	NXB ĐHQG Hà Nội, 2007	05	Logic mờ và ứng dụng	CSM.812	HK2	Tài liệu chính
66.	Lý thuyết điều khiển mờ	Phan Xuân Minh, Nguyễn Doãn Phước	NXB KH&KT, 1999	05				Tài liệu chính
67.	Fuzzy logic with engineering Applications	Timothy J. Ross	University of New, 2004	03				Tài liệu tham khảo
68.	Bài giảng phương pháp nghiên cứu khoa học	Lê Văn Hào	Trường Đại học Thủy sản, Nha Trang	03	Phương pháp	CSM.809	HK2	Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
69.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Lê Huy Bá	Đại học quốc gia TP HCM, 2007	03	nghiên cứu khoa học			Tài liệu tham khảo
70.	Research Methods	L.R.Gay	Florida International University, 2006	03				Tài liệu tham khảo
71.	Fundamentals of Data Science	Sanjeev J. Wagh, Manisha S. Bhende, Anuradha D. Thakare	Chapman and Hall_CRC., 2021	05	Khoa học dữ liệu	CSM.814	HK2	Tài liệu chính
72.	Data analysis and applications 1: Clustering and regression, modeling-estimating, forecasting and data mining.	Skiadas, C. H., & Bozeman, J. R. (Eds.)	John Wiley & Sons, 2019	03				Tài liệu tham khảo
73.	Data visualization: principles and practice. CRC Press.	Telea, A. C.	2014	03				Tài liệu tham khảo
74.	Precise Computer Vision: An Introduction into Theory and Algorithms	Reinhard Klette	2014	05	Thị giác máy tính	CSM.815	HK2	Tài liệu chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
75.	Computer Vision: Algorithms and Applications	Richard Szeliski	2021	03				Tài liệu tham khảo
76.	“Computer Vision: A Modern Approach”	David A. Forsyth, Jean Ponce	2012	03				Tài liệu tham khảo
77.	Computer Vision: Models, Learning, and Inference	Simon J. D. Prince	2012	03				Tài liệu tham khảo
78.	Đánh giá hiệu năng mạng,	Ngô Quỳnh Thu	NXB Bách Khoa Hà Nội, 2013	05	Đánh giá hiệu năng mạng	CSM.818	HK2	Tài liệu chính
79.	Mô phỏng mạng MANET với NS-2	Võ Thanh Tú, Lương Thái Ngọc, Lê Vũ, Lê Quang Minh, Nguyễn Thị Thùy Linh, Trần Kim Hương	NXB Đại học Huế, 2020.	03				Tài liệu tham khảo
80.	Giáo trình Lập trình logic	Trương Công Tuấn	NXB Đại học Huế, 2018.	05	Hệ cơ sở tri thức	CSM.816	HK3	Tài liệu chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
81.	Nguyên lý các hệ Cơ sở dữ liệu và Cơ sở tri thức, Biên dịch: Trần Đức Quang	Ullman J. D.	NXB Thống kê 1999.	05				Tài liệu chính
82.	Logic Programming	Apt K. R.	Elsevier Science Publishers, 1990	03				Tài liệu tham khảo
83.	Giáo trình Lập trình logic	Trương Công Tuấn	NXB Đại học Huế, 2018	03				Tài liệu tham khảo
84.	Mạng Quang	Võ Viết Minh Nhật, Đặng Thanh Chương	NXB Đại học Huế, 2016	05	Mạng truyền dẫn quang	CSM.819	HK3	Tài liệu chính
85.	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông trong mạng chuyển mạch chùm quang	Lê Văn Hòa, Nguyễn Hồng Quốc, Phạm Trung Đức	NXB Đại học Huế, 2021	05				Tài liệu chính
86.	Embedded Systems Design	Steve Heath	Elsevier Science, 2003	05	Hệ thống nhúng	CSM.820	HK3	Tài liệu chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
87.	Computer Systems – A programmer's perspective	Radal E. Bryant, David R. O'Hallaron	Prentice Hall, 2010	05				Tài liệu chính
88.	Programming Embedded Systems I, II	Michael J. Pont	University of Leicester, 2010	03				Tài liệu tham khảo
89.	Programming embedded systems in C and C++ with C and GNU Development tools Second Edition	Michael Barr & Anthony Massa	O'Reilly, 2009	03				Tài liệu tham khảo
90.	Software Engineering, 10th edition	Ian Sommerville	Pearson Education, 2016	05	Quản trị và phát triển dự án phần mềm	CSM.821	HK4	Tài liệu chính
91.	Introduction to Software Testing (2nd Edition)	Paul Ammann and Jeff Offutt	2016	03				Tài liệu tham khảo
92.	Software Metrics: A Rigorous and Practical Approach 3rd.	Fenton, N., and Bieman, J.	Boca Raton FL, US: CRC	05				Tài liệu chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
			press, 2014					
93.	Introduction to Software Process Improvement	O'Regan, Gerard	Springer Science & Business Media, 2010	03				Tài liệu tham khảo
94.	Security in computing	Charles P. Pfleeger, Shari Lawrence Pfleeger, Jonathan Margulies	Pearson Education, 2015	05	An ninh mạng	CSM.822	HK4	Tài liệu chính
95.	Principles of Computer Security,	Vincent nestler, Keith harrison,	Mc Graw Hill Education,	05				Tài liệu chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Matthew hirsch, WM. Arthur conklin	2015					
96.	Cryptography and Network security	William Stallings	Prentice Hall, 2015	03				Tài liệu tham khảo
97.	Giáo trình Web ngữ nghĩa	Hoàng Hữu Hạnh, Lê Mạnh Thạnh	NXB GD Việt Nam	05				Tài liệu chính
98.	Semantic Web for the Working Ontologist: Effective Modeling in RDFS and OWL 2nd Edition	Dean Allemang, James Hendler	2020	05				Tài liệu chính
99.	A Semantic Web Primer, Second Edition	Grigoris Antoniou and Frank van Harmelen	MIT, 2008	03	Web ngữ nghĩa và ontology	CSM.817	HK4	Tài liệu tham khảo
100.	Semantic Web: Concepts, Technologies and Applications	Karin Koogan Breitman, Marco	Springer, 2007	03				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Antonio Casanova, Walter Truszkowski						

**GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM HỌC LIỆU LÊ VŨ HÙNG**

Trần Thị Kim Trang

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Lương Thanh Tân

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo khoa học máy tính, trình độ thạc sĩ

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Hội trường							
	- Máy chiếu	- Trung Quốc	1	Cái	Dùng chung	Học kỳ 1, 2 năm 1	Phục vụ chung cho tất cả HV	
	- Power mixer	- Trung Quốc	1					
	- Amply cho hệ thống Full và Subwoofer	- Hàn Quốc	2			Học kỳ 1, 2, năm 2		
	- Amply cho hệ thống Monitor	- Hàn Quốc	1					
	- Equalizer bộ lọc chống nhiễu	- Việt Nam	2					
	- Bộ chia giải tầng	- Trung Quốc	1					
	- Effect bộ tạo hiệu quả âm thanh	- Ma-lai-xi-a	1					
	- Effect bộ tạo hiệu quả âm thanh	- Trung Quốc	2					
	- Loa Monitor	- Trung Quốc	2					
	- Loa Full	- Trung Quốc	2					



Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	- Loa subwoofer - Máy điều hòa nhiệt độ - Hộp cáp nối tín hiệu MSB 20,4/30 - Tủ đựng dụng cụ - Bục để tượng Bác Hồ - Đèn moving head Beam 230 - Máy vi tính - Bộ phận phân loại và truyền tín hiệu - Bộ điều khiển xử lý hình ảnh chuyên dụng - Màn hình Inno led P4 - Phần mềm Led chuyên dụng - Đèn Movinghead	- Việt Nam - Việt Nam - Việt Nam - Việt Nam - Trung Quốc - Trung Quốc - Trung Quốc - Trung Quốc - Trung Quốc - Trung Quốc - Trung Quốc - Việt Nam - Việt Nam	10 1 1 1 2 1 1 1 1 1 3 6 1 352					

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	- Micro không dây - Màn hình cảm ứng liên đầu - Ghế hội trường - Bàn đại biểu - Ghế đại biểu - Par Led - Đèn Par led - Bàn điều khiển ánh sáng - Micro để bàn - Máy khói	- Việt Nam - Việt Nam - Trung Quốc - Trung Quốc - Trung Quốc - Trung Quốc - Trung Quốc	6 12 12 16 2 2 1					
	Giảng đường lớn							
2	- Ampli - Loa thùng	- Việt Nam - Việt Nam	1 4	Cái	Dùng chung	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1,	Phục vụ chung cho tất cả HV	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	- Micro không dây cầm tay - Máy điều hòa nhiệt độ - Màn chiếu treo tường - Micro không dây kèm bộ thu - Micro cầm tay không dây, Micro cài ve áo, bộ thu T-521UP - Máy chiếu Sony - Màn chiếu điện - Bảng led - Máy chiếu - Màn chiếu điện - Máy vi tính xách tay - Bảng trang trí - Màn hình Led P414	- Việt Nam - Trung Quốc - Trung Quốc - Việt Nam - Việt Nam - Trung Quốc - Trung Quốc - I-ta-li - Trung Quốc - Trung Quốc - Trung Quốc - Trung Quốc - Việt Nam	4 6 1 1 1 1 1 1 1 1 1 6 256			2 năm 2	(riêng ghế ngồi 1 cái/HV)	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	- Bàn hội trường - Ghế	- Việt Nam						
3	Phòng học, giảng đường khác							
	Máy chiếu	- Trung Quốc	50	Cái	Dùng chung	Học kỳ 1, 2 năm 1	Sử dụng chung, riêng ghế 1 cái/HV	
	Màn hình tương tác	- Trung Quốc	52					
	Màn hình hiển thị	- Trung Quốc	13			Học kỳ 1, 2 năm 2		
	Tivi	- Việt Nam	2					
	Bàn học sinh	- Việt Nam	1.664					
	Ghế học sinh	- Việt Nam	2.036					
	Bàn học sinh 2 chỗ	- Việt Nam	366					
	Bàn giáo viên + Ghế	- Việt Nam	74					
4	Phòng học trực tuyến							
	- Camera trực tuyến	- Đài Loan	1	Cái	Tất cả	Học kỳ	Sử dụng	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	- Máy vi tính - Amply - Micro không dây - UPS - Bàn giáo viên Hòa Phát HR-120CS - Ghế giáo viên Hòa Phát G2 - Amply	- Việt Nam - In-đô-nê-xi-a - In-đô-nê-xi-a - Trung Quốc - Việt Nam - Việt Nam - In-đô-nê-xi-a	1 1 1 1 1 1 1		các học phần cần dạy trực tuyến	1,2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	chung	
5	Phòng học ngoại ngữ							
	- Máy vi tính xách tay	- Trung Quốc	155	Cái, bộ	Học phần ngoại ngữ	Học kỳ 1, 2 năm 1	Sử dụng cá nhân hoặc nhóm.	
	- Máy vi tính để bàn	- Việt Nam	49			Học kỳ 1, 2 năm 2		
	- Tủ sạc cho 36 Laptop	- Trung Quốc	5					
	- Màn hình LED tương tác	- Trung Quốc	25					

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	- Auto Tracking Camera	- Trung Quốc	5					
	- Máy quay phim	- Trung Quốc	4					
	- Camera giám sát và Đầu ghi hình	- Trung Quốc	3					
	- Bảng trượt ngang 3 lớp	- Việt Nam	6					
	- Bảng từ Hàn Quốc 2 lớp	- Việt Nam	5					
	- Bục giảng thông minh	- Đài Loan	5					
	- Hệ thống âm thanh	- In-đô-nê-xi-a	7					
	- Hệ thống tương tác kiểm tra đánh giá	- Trung Quốc	3					
	- Máy chiếu	- Trung Quốc	3					
	- Máy thu vật thể	- Trung Quốc	4					
	- Máy thu vật thể	- Trung Quốc	1					
	- Micro cài áo	- Canada	150					
	- Phần mềm phiên bản học viên		42					
	- Phần mềm điều khiển hệ thống							

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	phòng học ngoại ngữ thông minh dành cho học viên - Phần mềm điều khiển hệ thống phòng Lab ngoại ngữ - Phần mềm Homework dành cho học viên và giáo viên làm việc tại nhà Smartclass - Phần mềm SmartElearning - Bàn chuyên dùng cho giáo viên - Bàn giáo viên Hòa Phát HR-120CS - Bàn học sinh - Bàn học viên - Bộ phần mềm Let's Talk English A1, A2, B1, B2	- Việt Nam	1 43 1 5 3 60 150 155 199 150 112 3					

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	- Bộ tai nghe và Micro chuyên dụng - Ghế xoay cho học viên - Ghế xếp học sinh - Máy ghi âm kỹ thuật số							
6	Phòng thực hành máy tính							
	Máy tính	Trung Quốc, Việt Nam, Ma-lai-xi-a,...	279		HV thực hành các học phần chuyên ngành, giảng viên giảng	Học kỳ 1, 2 năm 1	Sử dụng cá nhân, nhóm	
	Máy chiếu	Trung Quốc	7	Cái, bộ		Học kỳ 1, 2 năm 2		
	Máy điều hòa nhiệt độ	Ma-lai-xi-a	14					

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	UPS	Trung Quốc	5		dạy học phần chuyên ngành			
	Swttch	Trung Quốc, Việt Nam	4					
	Bộ chuyển mạch mạng	Trung Quốc	1					
	Phần mềm	I-ta-li	42					
	Tủ bảo quản headphone	Việt Nam	7					

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tai nghe	Trung Quốc	69					
	Bàn	Việt Nam	126					
	Ghế	Việt Nam	280					
	Phòng Thực hành bộ môn							
7	Bàn học khung sắt mặt gỗ ghép cao su	Việt Nam	10	Cái, bộ	- Tất cả các học phần chuyên ngành	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Sử dụng riêng	
	Bàn gỗ ghép ĐL chân xếp KT: (1.2*	Việt Nam	6					
	Bộ chuyển đổi quang điện	Việt Nam	2					
	Bộ chuyển đổi quang điện	Trung Quốc	2					
	Bộ dụng cụ thi công cáp quang	Phi-lip-pin	1					

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Bộ lưu điện UPS Bộ phát wifi Ghế xếp Inox HP Ghế xếp, lưng tựa Hòa Phát, Khung Inox, mặt ngồi và lưng tựa bằng Kèm bấm mạng AMP Máy điều hòa nhiệt độ Máy test cáp Máy vi tính để bàn Máy vi tính server Dell PowerEdge Máy vi tính FPT Elead T7610is (Main Prime H110M2/FPT: Chipset Intel H Core™ i3-7100 Processor (3M Cach RAM: DDR4 4GB bus 2400 Geil; H (7200) Seagate; Monitor: FPT 19.5 in	Trung Quốc Việt Nam Việt Nam Ma-lay-xi-a Việt Nam Ma-lay-xi-a Mê-xi-cô Việt Nam Việt Nam	4 45 10 4 1 4 1 1 1 20 13 2		- Hợp, sinh hoạt chuyên môn của các giảng viên			

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Module quang Planet Path panel Robot Ultimate 2.0, Bộ robot giáo dục Switch Cisco Tool Dintek Tủ hồ sơ gỗ công nghiệp	Việt Nam Trung Quốc Trung Quốc Việt Nam Việt Nam	2 9 2 2 2					
8	Phòng làm việc chuyên môn							
	Thiết bị phục vụ đào tạo							
9	Máy tính hiệu năng cao (Workstation), HP Z2 Tower G5 Workstation (9FR63AV)	Việt Nam, Trung Quốc	1	bộ	Thực hành tính toán	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Sử dụng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Máy tính hiệu năng cao (Workstation), HP Z2 Tower G5 Workstation (FR63AV)	Việt Nam, Trung Quốc	1	bộ	Thực hành tính toán	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Sử dụng chung	
	AMD Ryzen™ Threadripper™ 2990WX CPU 3.00GHz (32 cores, 64 threads), 128 GB RAM, 500GB HDD	Việt Nam, Trung Quốc	1	bộ	Thực hành tính toán	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Sử dụng chung	
	Intel Core i7-8700 CPU 3.20GHz (6 cores, 12 threads), 32 GB RAM, 500GB HDD.	Việt Nam, Trung Quốc	1	bộ	Thực hành tính toán	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Sử dụng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Intel Core i7-8700 CPU 3.20GHz (6 cores, 12 threads), 32 GB RAM, 500GB HDD	Việt Nam, Trung Quốc	1	bộ	Thực hành tính toán	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Sử dụng chung	
	Intel Core i7-8700 CPU 3.20GHz (6 cores, 12 threads), 32 GB RAM, 500GB HDD.	Việt Nam, Trung Quốc	1	bộ	Thực hành tính toán	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Sử dụng chung	
	Intel Core i7-8700 CPU 3.20GHz (6 cores, 12 threads), 32 GB RAM, 500GB HDD.	Việt Nam, Trung Quốc	1	bộ	Thực hành tính toán	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Sử dụng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Intel Core i7-7700 CPU 3.60GHz (4 cores, 8 threads), 32 GB RAM, 2TB HDD.	Việt Nam, Trung Quốc	1	bộ	Thực hành tính toán	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Sử dụng chung	
	Máy vi tính Intel Core i7-7700 CPU 3.60GHz (4 cores, 8 threads), 32 GB RAM, 2TB HDD.	Việt Nam, Trung Quốc	1	bộ	Thực hành tính toán	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Sử dụng chung	
	Máy vi tính Intel Core i7-3770K CPU 3.40GHz (4 cores, 8 threads), 32 GB RAM, 2TB HDD.	Việt Nam, Trung Quốc	1	bộ	Thực hành tính toán	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Sử dụng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Máy vi tính: Intel Core i7-3770 CPU 3.40GHz (4 cores, 8 threads), 32 GB RAM, 2TB HDD.	Việt Nam, Trung Quốc	1	bộ	Thực hành tính toán	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Sử dụng chung	
	Máy tính hiệu năng cao (Workstation), Workstation ASUS TS700-E9-RS8-SMDTR001Z	Việt Nam, Trung Quốc	1	bộ	Thực hành tính toán	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Sử dụng chung	

TRUNG TÂM THỰC HÀNH – THÍ NGHIỆM


Nguyễn Văn Hùng



Lương Thanh Tân